

Bản án số: 160/2025/DS-PT
Ngày 13 tháng 3 năm 2025
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất;
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Noi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 3 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 984/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 256/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Hồng T**, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị Hồng T: Ông Lã Phú C, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 03/11/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu) – Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Mai Văn U**, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lã Phú C, sinh năm 1970 – Có mặt;

3.2. Anh Lã Phú Quốc C¹, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Đều cùng địa chỉ nguyên đơn.

3.3. Ông Lã Phú Đ, sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 42, Lô 10, đường Bế Văn Đàn, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

3.4. Ông Triệu T¹, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Tú Diêm, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng;

Hiện trú tại: Ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

3.5. Chị Mai Thúy A, sinh năm 1990 – Vắng mặt;

3.6. Anh Mai Việt A¹, sinh năm 1994 – Vắng mặt;

3.7. Bà Từ Thị X, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Cùng trú: Ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

3.8. Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: Ấp Thị Trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Hồ Văn L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình – Vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Mai Thị Hồng T và ông Lã Phú C;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 của nguyên đơn bà Mai Thị Hồng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 1993, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Tạ K bằng lời nói không lập văn bản 5,5 công đất và được cho thêm 01 cái đìa (ao) khoảng 400 – 500 m² tổng cộng là 06 công, có cắm ranh nhưng nay không còn. Vợ chồng bà trồng lúa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2000.

Năm 1997, bà cho ông Nguyễn Văn T² thuê đất để nuôi trồng thủy sản, sau đó cho ông N thuê, đến năm 2015 ông N trả lại đất. Vào năm 2016 bà thuê khoảng 06 công đất của ông Mai Văn U, khi bà canh tác thì phát hiện phần đất của bà và của ông U đều là 06 công nhưng phần đất của ông U lại rộng hơn phần đất của bà nên bà nhờ địa chính xã đo đạc thì phần đất của ông U sử dụng rộng hơn 06 công, còn phần đất của bà ít hơn 06 công đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà khởi kiện yêu cầu ông U trả cho bà diện tích 1.144,1

m² và bồi thường hoa lợi 20.000.000 đồng do không được canh tác trên đất. Sau khi có kết quả đo đạc, vào ngày 03/11/2022 và ngày 08/7/2024, bà T rút yêu cầu đối với diện tích 95 m² và tiền bồi thường 20.000.000 đồng, bà chỉ còn yêu cầu ông U trả cho bà diện tích 1.049,1 m² thuộc một phần Thửa đất số 294, Tờ bản đồ số 05, ấp Vĩnh Mậu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Mai Văn U trình bày:

Vào năm nào không nhớ rõ, ông nhận chuyển nhượng của ông Tạ K 06 công đất, có cặm ranh bằng gỗ (nay là trụ bê tông) đúng vị trí các cây gỗ, có làm giấy tay và ông đã nộp giấy tay để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông trồng lúa đến năm 2001 thì chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Khoảng năm 2004-2005, ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Viết N³ phần đất diện tích ngang hơn 40 mét, dài 26 mét nên tổng diện tích đất của ông khoảng hơn 10.000 m². Năm 2010-2011 có tranh chấp phần đất khoảng 10.000 m² này theo Bản án dân sự phúc thẩm số 132/2008/DSPT ngày 01/7/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Từ năm 2016 đến năm 2018, ông cho vợ chồng bà T, ông C thuê đất để nuôi trồng thủy sản; từ năm 2018 đến năm 2020, cho ông T⁴ thuê đất và từ năm 2021 đến nay cho ông Triệu T¹ thuê đất nhưng ông T¹ không sử dụng phần đất đang có tranh chấp mà chỉ sử dụng phần đất không có tranh chấp.

Phần đất bà T quản lý sử dụng một mặt giáp kênh và lộ trong khi lúc trước là kênh và ruộng nên nay đất bà T bị thiếu. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T và có yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T ngày 30/3/2000 (cấp đổi ngày 03/11/2012) đối với diện tích 1.049,1 m² thuộc một phần Thửa đất số 294, Tờ bản đồ số 05, ấp Vĩnh Mậu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu T¹ trình bày: Ngày 17/01/2021 ông thuê 1,1 ha đất của ông U 03 năm (2021-2024), tiền thuê là 18.000.000 đồng. Ông U có đưa cho ông bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/1994 diện tích 10.000 m² và ông U nói có nhận chuyển nhượng của người khác 1.000 m² nằm ở vị trí đầu trên hướng Bắc và dẫn ông đến đất thuê có bờ ranh giữa đất của ông U với đất của bà T ngang khoảng 04 mét. Khi ông tiến hành cải tạo đất thì bà T nói là đất của bà T nên ông ngưng cải tạo và không canh tác phần này. Sau đó, bà T cho người đến ủi cái bờ cũ để dời ranh đất từ bờ cũ đến bờ mới khoảng trên 20 mét (là vị trí đất hiện đang tranh chấp). Ông không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp đất giữa bà T với ông U và cũng không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất giữa ông với ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lã Phú Quốc C¹ trình bày: Thông nhất ý kiến của bà T và ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Phú Đ trình bày: Ông là em ruột của ông Lã Phú C, thời điểm ngày 30/3/2000 ông có tên trong hộ khẩu nhà ông C, nay ông đã chuyển hộ khẩu đến nơi khác. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc tranh chấp đất giữa bà T với ông U.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, các điều: 147, 157, 165, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng T đối với ông Mai Văn U về việc yêu cầu giao trả diện tích đất 1.049,1 m², thuộc một phần thửa đất số 294, Tờ bản đồ số 05 được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Mai Thị Hồng T ngày 11/6/2012;

Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn U về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Mai Thị Hồng T đối với diện tích 1.049,1 m².

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình cấp cho hộ bà Mai Thị Hồng T ngày 30/3/2020 và chỉnh lý thông tin tại trang 04 ngày 11/6/2012 đối với diện tích 1.049,1 m², thuộc thửa số 14, Tờ bản đồ 18 (nay là thửa số 294, Tờ bản đồ số 05 (thành lập 2022)), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng T đối với diện tích 95 m² và tiền bồi thường do không được canh tác đất là 20.000.000 đồng; quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2024, bà Mai Thị Hồng T và ông Lã Phú C có chung đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lã Phú C giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông Mai Văn U hoàn trả cho bà Mai Thị Hồng T diện tích đất tranh chấp là 1.049,1 m² thuộc Thửa đất số 294 của bà T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vợ chồng ông đồng lúa cho ông Tạ K tương đương 5,5 công đất nên cha của bà T đã giao phần đất mà cha của bà T đã mua của ông Tạ K cho vợ

chồng ông canh tác. Khi đó còn một cái địa khoảng hơn 1.000 m² thì cha của bà T nói đã được ông Tạ K cho và kêu ông cải tạo cái địa để canh tác. Vợ chồng ông đã quản lý sử dụng đất từ khoảng năm 1989 – 1990, cũng khoảng thời gian này thì bên ông Mai Văn U cũng sử dụng đất, giữa hai bên có một bờ ranh chiều ngang khoảng 04 tấc. Đến năm 2014 ông nhờ địa chính xã đo đạc lại thì thấy phần đất của ông U thì thừa nhiều so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất của ông thì thiếu nhiều so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên vào năm 2021 thì ông cho người dời bờ ranh sang phần đất của ông U khoảng hơn 20 mét. Phần đất tranh chấp hiện nay là phần đất giữa bờ ranh cũ với bờ ranh mới. Phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Hội đồng xét cấp là đúng thực tế. Bên ông và ông U chỉ canh tác vài năm thì cho người khác thuê đất, có người nói với ông là trong khoảng thời gian bên ông và bên ông U cho thuê đất thì những người thuê đất đã dời bờ ranh lấn sang đất của ông, nhưng ông tin tưởng rằng ông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất là của vợ chồng ông. Ông U là người thường hay lấn đất của người khác, vào năm 2008 ông U lấn đất của chị em của ông U đã được Tòa án xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Mai Thị Hồng T và ông Lã Phú C đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Mai Thị Hồng T là người có kháng cáo vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của bà T tham gia phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2023 và Mảnh trích đo địa chính số -2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòa Bình lập ngày 24/11/2023 thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 1.144,1 m², hiện trạng là đất trồng, không cây cối không canh tác, bao gồm 02 phần: Phần thứ

nhất có diện tích 1.049,1 m² thuộc Thửa đất số 294 (do bà Mai Thị Hồng T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và phần thứ hai có diện tích 95 m² thuộc Thửa đất số 274 (do ông Mai Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần 95 m² và rút yêu cầu bồi thường do không được canh tác đất là 20.000.000 đồng;

[3] Bà T xác định nhận chuyển nhượng của ông Tạ K 5,5 công và được cho thêm 01 cái đĩa diện tích khoảng 400 m² đến 500 m²; Ông U xác định nhận chuyển nhượng của ông Tạ K 6 công 4 tầm. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà T và ông U đều chỉ canh tác một thời gian ngắn rồi cho người khác thuê nuôi trồng thủy sản. Ông Tạ K đã chết nên không xác minh được mỗi bên nhận chuyển nhượng diện tích là bao nhiêu.

Hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 30/3/2000, cấp đổi ngày 19/6/2001 và ngày 11/6/2012, Thửa đất số 294, diện tích là 8.660 m². Kết quả đo đạc thực tế phần đất của bà T không tranh chấp có diện tích 7.367,4 m², ít hơn so với giấy chứng nhận là 1.292,6 m².

Ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 10/6/1994, cấp đổi ngày 06/8/2003, Thửa đất số 274, diện tích là 8.654 m². Kết quả đo đạc thực tế phần đất của ông U không tranh chấp có diện tích 8.438,1 m², ít hơn so với giấy chứng nhận là 215,9 m².

Ủy ban nhân dân huyện Hoà Bình xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và ông U là cấp đại trà, không đo đạc thực tế.

[4] Nguyên đơn và bị đơn xác định nguồn gốc đất của mỗi bên đều là do nhận chuyển nhượng của ông Tạ K đã trên 30 năm, lúc chuyển nhượng tính bằng công, không đo đạc thực tế, ông Tạ K cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đã có bờ ranh đất giữa hai bên cho đến năm 2021 mới phát sinh tranh chấp.

Ông Triệu T¹ xác định ông thuê đất của ông U vào ngày 17/01/2021 thì đã có bờ ranh đất giữa hai bên, khi ông cải tạo đất thì bà T nói là đất của bà và bà T thuê người đến dời bờ ranh qua đất bên ông U khoảng 20 mét thì ông báo với ông U và ông U báo với chính quyền.

Ông Thạch D là Trưởng ấp Vĩnh Mẫu xác định vào năm 2021 (không nhớ ngày tháng cụ thể) ông Mai Văn U có báo với ông là bà Mai Thị Hồng T có kêu xe ủi bờ sang phần đất ao nuôi tôm của ông U nên địa phương và ông Thạch D có đến hiện trường thì ông quan sát thấy bà T đã ủi bờ xong, bờ ranh đất cũ với bờ mới cách nhau khoảng 15 mét đến 20 mét. Phần đất giữa bà T với ông U đã có bờ ranh, hai bên canh tác theo đúng vị trí đã trên 10 năm nhưng không biết vì

sao bà U và ông C kêu xe ủi dời bờ ranh qua hơn nửa ao của ông U đang canh tác. Ông Lã Phú C cũng trình bày do phát hiện bị thiếu đất nên vợ chồng ông thuê người ủi dời bờ ranh.

Như vậy, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của ông U nhận chuyển nhượng của ông Tạ K, vì phần đất của bà Thẩm với phần đất của ông Út đã có sẵn bờ ranh và hai bên đã quản lý sử dụng phần đất của mình ổn định từ lúc nhận chuyển nhượng, kể cả sau khi hai bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không tranh chấp mà vẫn sử dụng ổn định theo bờ ranh đất có sẵn từ lúc nhận chuyển nhượng của ông Tạ K, mãi cho đến năm 2021 thì bà T tự ý thuê xe ủi dời bờ ranh lấn sang phần đất ông U đang canh tác.

[5] Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đo đạc thực tế, ông U là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là người không quản lý sử dụng đất, là không đúng đối tượng.

[6] Bà T và ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, bà là có căn cứ và hợp pháp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T và ông C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng T đối với diện tích 95 m² và tiền bồi thường do không được canh tác đất là 20.000.000 đồng; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Hồng T và ông Lã Phú C; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng T đối với ông Mai Văn U về việc yêu cầu giao trả diện tích đất 1.049,1 m², thuộc một phần thửa đất số 294, Tờ bản đồ số 05 được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Mai Thị Hồng T ngày 11/6/2012;

2.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn U về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Mai Thị Hồng T đối với diện tích 1.049,1 m².

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình cấp cho hộ bà Mai Thị Hồng T ngày 30/3/2020 và chỉnh lý thông tin tại trang 4 ngày 11/6/2012 đối với diện tích 1.049,1 m², thuộc thửa số 14, Tờ bản đồ 18 (nay là thửa số 294, Tờ bản đồ số 05 (thành lập 2022)), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Mầu, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

3. Bà Mai Thị Hồng T và ông Lã Phú C mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*)/người và được khấu trừ tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000592 ngày 15/11/2024 và Biên lai thu tiền số 0000394 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng T đối với diện tích 95 m² và tiền bồi thường do không được canh tác đất là 20.000.000 đồng; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công